

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**PH. ĂNGGHEN BÀN VỀ LINH HỒN VÀ
BẢN CHẤT CỦA LINH HỒN**

NGUYỄN PHÚ LỢI^(*)

Theo thống kê từ cuốn *C. Mác - Ph. Ăngghen về vấn đề tôn giáo* của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, do Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội ấn hành năm 1999 cho thấy, có 55 đơn vị tư liệu gồm các bài viết, đoạn trích của Ph. Ăngghen hoặc viết chung với C. Mác trực tiếp hay gián tiếp bàn về vấn đề tôn giáo. Dù không phải là người chuyên nghiên cứu về vấn đề tôn giáo, song với phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử triệt để và cách tiếp cận tôn giáo trên ba phương diện bản thể luận, nhận thức luận và xã hội học, Ph. Ăngghen đã chỉ ra một cách khoa học về nguồn gốc, bản chất và vai trò xã hội của tôn giáo, đưa lý luận tôn giáo học của chủ nghĩa Mác lên một tầm cao mới, vượt xa quan điểm của chủ nghĩa vô thần trước đó và đặt nền móng cho bộ môn tôn giáo học hiện đại. Nhiều vấn đề có tính phương pháp luận về khi nghiên cứu về tôn giáo mà ông nêu lên đến nay vẫn giữ nguyên giá trị thời đại.

Ph. Ăngghen cho rằng quan niệm về linh hồn bất tử là nguồn gốc nhận thức đưa đến sự ra đời của tôn giáo. Quan niệm về linh hồn xuất hiện từ thừa bình minh của lịch sử nhân loại khi con người hoàn toàn chưa biết gì về bản thân mình và không giải thích được những điều mà họ thấy trong giấc mơ, nên họ cho rằng tư

duy và cảm giác của họ không phải là hoạt động của bản thân họ mà là hoạt động của linh hồn đặc biệt nào đó cư ngụ trong thân thể và rời bỏ thân thể khi con người chết đi để đến một thế giới bên ngoài. Từ đó, con người bắt đầu suy nghĩ về mối quan hệ giữa linh hồn với thế giới bên ngoài. Trong tác phẩm *Lutvích Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, Ph. Ăngghen viết: “Ngay từ thời hết sức xa xưa, khi con người hoàn toàn chưa biết gì về cấu tạo thân thể của họ và chưa biết giải thích những điều thấy trong giấc mơ, họ đã đi đến chỗ quan niệm rằng tư duy và cảm giác của họ không phải là hoạt động của chính bản thân họ mà là hoạt động của linh hồn đặc biệt nào đó cư trú trong thân thể và rời bỏ thân xác khi họ chết, ngay từ thời đó, họ đã phải suy nghĩ về quan hệ giữa linh hồn ấy với thế giới bên ngoài”⁽¹⁾.

Từ việc suy nghĩ về mối quan hệ giữa linh hồn với thế giới bên ngoài, đến một giai đoạn phát triển cao hơn của tư duy, con người cho rằng sau khi chết đi, linh

*. TS., Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Ph. Ăngghen. *Lutvích Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, 1999, tr. 490-491.

hồn thoát khỏi thể xác và tiếp tục sống ở thế giới bên ngoài đã dẫn đến quan niệm về linh hồn bất tử. Ban đầu, quan niệm về linh hồn bất tử hoàn toàn không có ý nghĩa là sự an ủi mang tính chất tôn giáo mà là một định mệnh không thể cưỡng lại được. Định mệnh đó xuất phát từ sự lúng túng do hạn chế trong nhận thức của con người khi thừa nhận sự tiếp tục tồn tại của linh hồn sau khi thể xác chết đi, song họ không biết linh hồn đi về đâu đã dẫn tới sự tưởng tượng về sự bất tử của linh hồn. Ông viết: “Nếu như người ta chết, linh hồn tách khỏi thân thể và tiếp tục sống thì không có lí do gì mà lại gán cho linh hồn một cái chết đặc biệt nào nữa, nên vì thế mà nảy sinh ra quan niệm về sự bất tử của linh hồn, quan niệm này, trong giai đoạn phát triển đó, không hề có nghĩa là một sự an ủi mà là một định mệnh không thể cưỡng lại được, và đối với người Hy Lạp chẳng hạn, thì thường là một sự bất hạnh thật sự. Không phải nhu cầu về sự an ủi có tính chất tôn giáo, mà chính là sự lúng túng - nảy sinh ra từ tình trạng hạn chế phổ biến của người ta lúc đó - không biết linh hồn biến đi đâu - một khi con người đã thừa nhận sự tồn tại của linh hồn sau khi thân thể chết đi - đã dẫn tới sự tưởng tượng buồn tẻ về sự bất tử của cá nhân con người”⁽²⁾.

Ph. Ăngghen cho rằng, nếu chỉ quan niệm về sự bất tử của linh hồn không thôi thì không thể dẫn đến hành vi tôn giáo mà chính là con người suy nghĩ về mối quan hệ giữa con người đang sống với linh hồn của mình ở thế giới bên ngoài. Từ đó, họ tưởng tượng ra một lực lượng siêu nhiên, thần thánh ở thế giới bên kia có thể tác động trở lại đối với cuộc sống của con người. Đến giai đoạn

phát triển cao hơn nữa của tư duy, cùng với sự nhân cách hóa các hiện tượng tự nhiên đã hình thành nên các vị thần đầu tiên, rồi từ đa thần giáo dần dần hình thành nhất thần giáo, xuất hiện tôn giáo độc thần. Đó chính là quá trình lịch sử của tôn giáo trong đời sống nhân loại. Ông viết: “Cũng bằng cách hoàn toàn giống như thế, sự nhân cách hóa các lực lượng tự nhiên làm nảy sinh ra các vị thần đầu tiên, những vị thần này, trong quá trình phát triển về sau của tôn giáo, ngày càng mang một hình dáng những sức mạnh siêu phàm, cho đến lúc, rút cuộc lại, do một quá trình trừu tượng hóa - tôi có thể nói là một quá trình chưng cất - hoàn toàn tự nhiên trong tiến trình phát triển của trí tuệ, trong đầu óc con người, từ đông đảo những vị thần có quyền lực ít nhiều bị hạn chế và hạn chế lẫn nhau, nảy sinh ra quan niệm về một vị thần độc tôn của tôn giáo độc thần”⁽³⁾.

Do không giải thích được những điều thấy trong giấc mơ, con người cho rằng hình ảnh mà họ thấy trong giấc mơ là linh hồn tạm thời thoát khỏi thể xác và họ phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình thấy trong giấc mơ. Bằng những cứ liệu xã hội học ông đã chứng minh cho điều đó: “Mãi đến ngày nay, trong các dân mông muội và người đã man ở giai đoạn thấp, vẫn còn lưu hành quan niệm cho rằng những hình ảnh con người xuất hiện trong giấc mơ là những linh hồn đã tạm thời rời khỏi thân xác, cho nên con người thật phải chịu trách nhiệm về những hành vi của người đó trong mộng,

2. Ph. Ăngghen. *Lutvích Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 491.

3. Ph. Ăngghen, *Lutvích Phoiobắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, Sđd, tr. 491.

những hành vi mà kẻ nằm mơ trông thấy. Đó là điều mà Tuốcnơ đã nhận thấy năm 1884 ở người Indian ở Guana⁽⁴⁾. Trên cơ sở quan niệm về linh hồn bất tử, suy nghĩ về mối quan hệ giữa linh hồn với thế giới bên ngoài, người ta quan niệm mối quan hệ giữa sự tồn tại tạm thời của thể xác và sự bất tử của linh hồn sau cái chết mà biểu hiện của nó trong chính nó là những điều người ta gặp trong giấc mơ. Họ cho rằng, con người phải chịu trách với chính hành vi của mình. Chính cái quan niệm về sự tồn tại bất tử của linh hồn đã dẫn đến những hành vi tôn giáo như việc thờ cúng, tế lễ, kiêng kị, đặc biệt là tục hiến sinh để thần linh không quấy phá cuộc sống của con người đang sống. Hiến sinh để lấy máu súc vật làm lễ vật dâng lên cho thần để giao tiếp với thần và để cho thần động lòng, bớt giận không trừng phạt con người là tập tục phổ biến có trong tất cả các tôn giáo, nhất là ở Phương Đông. Ph. Ăngghen cho rằng việc tham gia vào các nghi lễ hiến tế, các cuộc lễ rước thần, việc kiêng kị là dấu chỉ cho thấy sự khác nhau giữa tôn giáo của tộc người này với tôn giáo của tộc người khác. Theo ông, “Trong tất cả các tôn giáo tồn tại trước đó (tức trước khi đạo Kitô ra đời - NPL), thì nghi lễ là cái chủ yếu, chỉ có tham gia vào cuộc lễ súc vật tế thần và các cuộc rước thần, còn ở Phương Đông thì chỉ có tuân theo những tục lệ một cách đầy đủ nhất về cổ bản và tẩm gọi thì người ta mới có thể chứng minh được mình thuộc về một tôn giáo nào. Trong khi ở La Mã và Hy Lạp, mặt này tỏ ra rất thoải mái, thì ở Phương Đông người ta giữ rất khắt khe cả một loạt những điều kiêng kị tôn giáo”⁽⁵⁾.

Quan niệm về linh hồn bất tử và sự tác động, chi phối của các lực lượng siêu nhiên đến cuộc sống con người cùng với sự tác động do điều kiện tự nhiên và xã hội gây nên đau khổ cho con người, người ta cho rằng chính những hành vi của họ đã làm cho thần thánh nổi giận mà trừng phạt họ. Từ đó hình thành nên quan niệm về tội lỗi, về sự thưởng phạt của linh hồn ở kiếp sau. Điều này đã được thần học Do Thái giáo và triết học duy tâm Hy Lạp nâng lên thành lí luận về tội tổ tông truyền, về sự cứu rỗi linh hồn. Ph. Ăngghen viết: “Triết học Hy Lạp tầm thường đã dẫn đến học thuyết về một vị Thượng đế duy nhất và sự bất tử của linh hồn con người. Đạo Do Thái cũng vậy, nó bị tầm thường hóa một cách duy lí do có sự pha trộn và tiếp xúc với những người không phải là Do Thái và nửa Do Thái, đi đến chỗ coi thường nghi lễ tôn giáo, đi đến chỗ biến vị thần dân tộc Giêhôva trước đây của người Do Thái, thành một vị thần duy nhất chân chính, đáng sáng tạo ra trời và đất và đi đến chỗ thừa nhận sự bất tử của linh hồn”⁽⁶⁾. Đó chính là cơ sở lí luận đưa đến sự ra đời của đạo Kitô vào đầu Công nguyên như Ph. Ăngghen đã viết: “Vậy là, triết học độc thần tầm thường đã gặp tôn giáo tầm thường, tôn giáo này đã dâng cho nó một vị Thượng đế duy nhất dưới hình thức hoàn toàn đã có sẵn. Và như vậy là, người ta đã chuẩn bị xong miếng đất mà đứng trên đó người Do Thái cải biến những quan niệm tầm thường đến

4. Ph. Ăngghen, *Lutvích Phoiơbắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*, Sđd, tr. 490.

5. Ph. Ăngghen, *Brunô Bawơ và đạo Cơ Đốc khởi thủy*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 397-398.

6. Ph. Ăngghen, *Brunô Bawơ và đạo Cơ Đốc khởi thủy*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 389.

nhường ấy của Philông, để có thể tạo thành đạo Cơ Đốc, nhưng khi nó đã được tạo ra rồi thì đạo Cơ Đốc đã có thể được người Hy Lạp và người La Mã tiếp nhận trở lại”⁽⁷⁾.

Để có thể cứu rỗi linh hồn ở kiếp sau, con người không những phải sống có đạo đức, nhẫn nhục chịu đựng số phận của mình do Chúa đã an bài mà họ còn không ngừng phải sám hối, cầu mong Thượng đế cứu giúp. Hơn nữa, họ phải thực hiện nhiều điều kiêng kị, nhất là phải cúng bái, hiến tế súc vật làm tặng phẩm dâng lên cho Chúa để Ngài bớt giận, động lòng thương đối với con người đang sống. Đó là điều kiện thuận lợi cho tôn giáo xuất hiện ở đế quốc La Mã vào thời kì đầu Công nguyên như Ph. Ăngghen viết: “Tôn giáo do con người tạo ra, bản thân những người này cảm thấy nhu cầu cần phải có tôn giáo với họ, hiểu được những nhu cầu cần có tôn giáo của quần chúng”⁽⁸⁾. Song các tôn giáo đương thời do quá đề cao về việc kiêng kị, lệ tục của mình nên đã không thỏa mãn được được câu hỏi đó, thậm chí đó còn là điều kiện để các tôn giáo ấy tự diệt vong. Ông viết: “Những con người của hai tôn giáo khác nhau - người Ai Cập, người Ba Tư, người Do Thái, người Khan Đay - không thể cùng uống, cùng ăn, không thể cùng làm một việc thông thường nhất, họa chăng chỉ có thể nói chuyện được với nhau mà thôi. Sự ngăn cách giữa người với người đó là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến diệt vong của Phương Đông thời cổ”⁽⁹⁾. Và chỉ có Kitô giáo mới có đủ khả năng đáp ứng được xu hướng tâm lí mà những người nô lệ và những người bị áp bức đang mong đợi như Ph. Ăngghen đã viết: “Kitô bị đóng đinh câu rút ở

Giêrusalem nhưng đã hồi sinh. Người là “con chiên” bị hi sinh vì tội lỗi của thế gian và máu của Người chuộc tội trước Chúa cho tín đồ thuộc tất cả mọi dân tộc và mọi ngôn ngữ. Ở đây chúng ta tìm thấy ý tưởng cơ bản nhờ nó mà đạo Cơ Đốc sơ kì đã có thể phát triển thành tôn giáo thế giới sau này. Tất cả các tôn giáo thừa ấy của người Xênut và người Châu Âu đều có cách nhìn nhận chung là có thể dùng vật tế thần làm động lòng những vị thần bị hành vi của con người xúc phạm, ý tưởng cơ bản cách mạng đầu tiên (mượn của trường phái Philông) của đạo Cơ Đốc đối với các tín đồ là một sự hi sinh tự nguyện vĩ đại của một người trung gian đã vĩnh viễn chuộc tội cho tất cả mọi thời đại và mọi người. Vì thế không cần bất cứ sự hi sinh tiếp nào, đồng thời cũng sụp đổ cả căn cứ cho nhiều nghi thức tôn giáo; nhưng việc miễn tuân thủ những thứ nghi lễ đã gây khó khăn hoặc cấm giao tiếp với những người ngoại đạo, là điều kiện hàng đầu đối với tôn giáo thế giới. Tuy vậy, phong tục hiến sinh vật bắt rễ sâu trong phong tục của các dân tộc tới mức đạo Thiên Chúa, thứ tôn giáo đã khôi phục nhiều cái thuộc da thần thế giới, đã cho là cần thích ứng với tình huống này bằng cách thực hành các việc dâng lễ vật dù chỉ mang tính chất tượng trưng”⁽¹⁰⁾.

Vào thời Cổ đại do sự hà khắc, tàn bạo của chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã, nhất

7. Ph. Ăngghen, *Brunô Baur và đạo Cơ Đốc khởi thủy*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 389-390.

8. Ph. Ăngghen, *Brunô Baur và đạo Cơ Đốc khởi thủy*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 388.

9. Ph. Ăngghen, *Brunô Baur và đạo Cơ Đốc khởi thủy*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 397-398.

10. Ph. Ăngghen, *Bản về lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kì*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 557-558.

là sau sự thất bại của cuộc khởi nghĩa nô lệ do Xpactaquýt lãnh đạo, không giải thích được những nỗi thống khổ của đời sống hiện thực do điều kiện tự nhiên và xã hội gây ra, con người cảm thấy nỗi khổ ấy do chính những hành vi của mình gây nên đã xúc phạm đến thần thánh làm cho thần thánh nổi giận trừng phạt họ nên trong xã hội xuất hiện xu hướng tâm lí trông chờ vào một đấng cứu thế xuất hiện để cứu giúp con người thoát khỏi sự khổ hạnh ở trần gian. Kitô giáo xuất hiện với việc Chúa Giêsu tuyên bố tự hiến bản thân mình làm vật phẩm dâng tặng cho Chúa để chuộc tội thay cho nhân loại đã đáp ứng được sự mong mỏi của quần chúng lao khổ. Ph. Ăngghen cho rằng: “Đối với tất cả những lời kêu ca về các thời kì khó khăn và về sự cùng khổ chung về mặt vật chất và tinh thần thì ý thức về tội lỗi của đạo Cơ Đốc đã đáp lại: đúng, tình trạng là như vậy, không thể làm cách nào khác được; trong sự hư hỏng của thế giới, anh là kẻ có tội, tất cả các anh là những kẻ có tội, đúng là sự hư hỏng bên trong của chính anh và của chính các anh! Và tìm đâu ra được một người có thể phủ nhận điều đó chứ? Tội lỗi của tôi! Không một người nào dám từ chối việc thừa nhận mình có một phần tội lỗi trong cái bất hạnh chung, và việc thừa nhận đó, giờ đây đã trở thành tiền đề của sự cứu vớt linh hồn mà đồng thời đã được đạo Cơ Đốc tuyên bố ra. Việc cứu vớt linh hồn đó đã được người ta bịa ra khéo tới mức một thành viên của bất kì một tổ chức tôn giáo cũ nào cũng có thể dễ dàng hiểu được điều đó. Tất cả các tôn giáo cũ đó đều có một quan niệm cố hữu là cần có thể hi sinh để chuộc lại tội lỗi, một sự hi sinh có thể làm cho Chúa bị xúc động mà bớt giận.

Cái quan niệm cần có một kẻ trung gian tự nguyện hi sinh mình để vĩnh viễn chuộc mọi tội lỗi của nhân loại thì sao lại không thể tìm được ở đây một miếng đất thuận lợi? Như vậy là cái quan niệm cảm giác phổ biến của người ta cho rằng trong sự hư hỏng chung thì chính con người có tội, đạo Cơ Đốc được thể hiện rõ ràng trong ý thức về tội lỗi của mỗi một người; đồng thời qua cái chết đầy hi sinh của người sáng lập ra nó, đạo Cơ Đốc đã tạo ra một hình thức dễ hiểu về sự cứu vớt nội tâm ra khỏi thế giới hư hỏng, về sự an ủi trong ý thức mà tất cả mọi người đã khát khao tìm đến. Như vậy là, đạo Cơ Đốc lại chứng minh được rằng nó có thể trở thành tôn giáo thế giới - hơn nữa trở thành tôn giáo phù hợp với thế giới đó”⁽¹¹⁾.

Sự xuất hiện của đạo Kitô đã đáp trả được sự mong mỏi của những người nô lệ và những người bị áp bức ở đế quốc La Mã vào đầu Công nguyên làm cho nó trở thành một tôn giáo thế giới. Trong tác phẩm *Bàn về lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kì*, Ph. Ăngghen viết: “Sự tiếp tục tồn tại của linh hồn sau khi thể xác chết đã dần dần trở thành một yếu tố tín ngưỡng được mọi người thừa nhận ở khắp nơi trong thế giới La Mã. Hết như vậy, niềm tin vào sự đền đáp hoặc trừng phạt đối với linh hồn người chết về những hành vi đã làm trên thế gian cũng ngày càng được nhiều người chấp nhận. Vả lại tình hình việc đền đáp khá khả nghi; thế giới cổ đại cho chủ nghĩa duy vật phát quá nhiều nên nó đánh giá đời sống trần gian cao vô hạn so với đời sống ở cõi âm. Ở người Hy Lạp, đời sống âm phủ bị coi đúng ra là

11. Ph. Ăngghen, *Bruno Bauer và đạo Cơ Đốc khởi thủy*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 399-400.

nổi bất hạnh. Nhưng rồi đạo Cơ Đốc xuất hiện, nó thực sự chấp nhận sự báo đáp và sự trừng phạt ở thế giới bên kia, đã tạo ra thiên đường và địa ngục, và đã tìm được lối thoát đưa những người đau khổ và người bất hạnh từ đời sống thống khổ trên trần gian lên thiên đường vĩnh cửu. Và trong thực tế, chỉ có bằng hi vọng vào sự đền đáp ở thế giới bên kia mới có thể nâng từ sự từ bỏ thế giới theo phái khắc kỷ của Philông và chủ nghĩa cấm dục lên thành một trong những nguyên tắc đạo đức cơ bản của tôn giáo thế giới, mới có khả năng cuốn hút quần chúng nhân dân bị áp bức⁽¹²⁾.

Tâm lý về sự bất tử của linh hồn và sự thưởng phạt ở kiếp sau đã được đạo Kitô tiếp thu và nâng lên một tầm cao mới bằng việc Chúa Giêsu tự hiến dâng bản thân mình làm vật phẩm tặng cho Chúa để chuộc lỗi thay cho nhân loại. Điều đó đã đáp ứng được yêu cầu tôn giáo của quần chúng mà không tôn giáo đương thời nào có thể thảo mãn được nhu cầu ấy. Trong tác phẩm *Sách Khải thị*, Ph. Ăngghen cho rằng: “Cơ Đốc giáo được giới thiệu dưới một hình thức sơ khai nhất trong các hình thức còn lưu lại đến thời đại chúng ta. Chỉ một giáo lý ngược trị: các tín đồ được cứu sống bởi sự hi sinh của Kitô. Nhưng như thế nào và vì sao thì điều đó hoàn toàn không thể xác định được. Ở đây không có gì cả, ngoài tư tưởng của đạo Do Thái và đa thần giáo cổ xưa cho rằng, nên cầu xin Chúa hoặc các thần rủ lòng thương bằng những đồ cúng lễ, - tư tưởng này đã được cải biến thành tư tưởng đặc thù của Cơ Đốc giáo (về thực chất nó cũng biến Cơ Đốc giáo thành một tôn giáo phổ biến) chính là ở chỗ, cái chết của Kitô là một đồ tế thần vĩ đại, một khi đem dâng cúng rồi thì có sức mạnh vĩnh cửu⁽¹³⁾”.

Quan niệm về sự bất tử của linh hồn và sự thưởng phạt ở đời sau càng trở nên phổ biến khi nó được triết học Hy Lạp, nhất là trường phái triết học khắc kỷ nâng lên thành lý luận về sự cứu rỗi linh hồn. Kitô giáo đã tiếp thu tư tưởng đó đồng thời dung hòa nó với các quan điểm của tôn giáo của Phương Đông, đặc biệt qua cuộc tử nạn vĩ đại của Chúa Giêsu, để trở thành một tôn giáo có thể đáp ứng được với nhu cầu đang cần có tôn giáo trong đế quốc La Mã cổ đại. Ph. Ăngghen viết: “Việc dung hòa những quan điểm Phương Đông và Phương Tây đó đã chứa đựng tất cả những quan niệm của đạo Cơ Đốc: tội tổ tông của con người; tiếng nói của Thượng đế và con người; sự sám hối không phải bằng cách tế các súc vật mà bằng cách hiến dâng trái tim của riêng mình cho Thượng đế; cuối cùng, còn một nét cơ bản nữa là triết học mới của tôn giáo đảo lộn trật tự trước đây của sự vật, tuyền mộ những môn đồ của mình trong những người nghèo khổ, những người bất hạnh, những người nô lệ và những người bị ruồng bỏ; và khinh miệt những kẻ giàu có, những kẻ có thế lực, những kẻ có đặc quyền - do đó cũng là khinh miệt sự hưởng lạc trần gian và cấm dục⁽¹⁴⁾”.

Ph. Ăngghen cho rằng quan niệm về linh hồn xuất hiện vào thời kỳ rất sơ khai của nhân loại khi con người hoàn toàn chưa biết về bản thân mình, không lý giải được những điều họ thấy trong giấc mơ và sự lúng túng, sợ hãi trước cái

12. Ph. Ăngghen, *Bàn về lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kì*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 567-568.

13. Ph. Ăngghen, *Sách Khải thị*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 469-470.

14. Ph. Ăngghen, *Brunô Bauơ và đạo Cơ Đốc khởi thủy*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 387.

chết. Lúc đầu quan niệm đó hoàn toàn không phải là sự an ủi mang tính chất tôn giáo mà chỉ được con người xem đó là một định mệnh không thể cưỡng lại được. Đến giai đoạn phát triển cao hơn của tư duy, do những điều kiện tự nhiên và xã hội gây ra người ta dần dần hình thành nên lí thuyết về tội lỗi và sự cứu rỗi linh hồn ở kiếp sau. Đó là cơ sở nhận thức đưa đến sự ra đời của tôn giáo. Điều đó đã được Kitô giáo dựa vào thần học Do Thái và triết học duy tâm Hy La nâng lên thành lí luận về sự cứu rỗi linh hồn, nhất là với việc Chúa Giêsu chịu chết để dâng hiến bản thân mình làm vật phẩm cho Chúa để chuộc tội thay cho nhân loại. Chính vì vậy, nó đã trở thành một tôn giáo mang tính thế giới. Chính Ăngghen đã chỉ ra rằng: “Đạo Cơ Đốc không biết rằng những nghi lễ đã gây ra sự ngăn cách, thậm chí không biết đến cả các cuộc lễ giết súc vật tế thần và các cuộc lễ rước thần của thời cổ điển. Như vậy là khi phủ định tất cả các tôn giáo và những nghi lễ chung cho tất cả các tôn giáo và khi đối xử không phân biệt với tất cả các dân tộc, chính đạo Cơ Đốc đã trở thành một *tôn giáo thế giới đầu tiên có thể tồn tại được*. Đạo Do Thái với vị thần mới, vạn năng của mình cũng đang tìm cách trở thành tôn giáo thế giới. Nhưng, những người con của Israel lúc nào cũng tỏ ra là người quý phái giữa các tín đồ và những người đã chịu làm lễ cắt đầu quy, và ngay cả đạo Cơ Đốc lúc đầu cũng phải giải thoát mình ra khỏi cái quan niệm (quan niệm này vẫn còn thống trị trong cái gọi là Khải thị của Iôan) về sự ưu việt của những con chiên, đạo Cơ Đốc là những người Do Thái trước khi nó trở thành tôn giáo thế giới thực sự”⁽¹⁵⁾.

Quan niệm về linh hồn và sự bất tử của linh hồn là cơ sở quan trọng của nhận thức tôn giáo, bản chất của linh hồn chẳng qua chỉ là sản phẩm của sự tưởng tượng của con người mà thôi như Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Theo bản chất của nó, tôn giáo là sự rút hết toàn bộ nội dung của con người và giới tự nhiên, là việc chuyển nội dung đó sang cái bóng ma Thượng đế ở bên kia thế giới, Thượng đế này, sau đó, do lòng nhân từ, lại trả về cho con người và giới tự nhiên một chút ân huệ của mình. Khi mà lòng tin vào cái bóng ma ở bên kia thế giới ấy còn mãnh liệt và sôi nổi thì bằng con đường vòng như vậy con người chỉ có thể đạt được đôi chút nội dung nào đó”⁽¹⁶⁾ và “Kể nào xem toàn bộ tồn tại của mình, toàn bộ cuộc đời của mình như là ngưỡng cửa để bước vào Thiên đường, thì kể đó không thể quan tâm tới những công việc trần gian đúng như nhà nước đòi hỏi ở những công dân của mình”⁽¹⁷⁾.

Tóm lại, những quan điểm về linh hồn và bản chất của linh hồn của Ph. Ăngghen vẫn còn nguyên giá trị thời đại để chúng ta nghiên cứu, ứng xử với tôn giáo. Trong điều kiện hiện tại của nước ta hiện nay, khi mà những cơ sở hiện thực cho sự tồn tại của tôn giáo vẫn chưa mất đi thì tôn giáo vẫn tiếp tục tồn tại, đúng như Đảng ta đã chỉ rõ: “Tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một phận nhân dân, đã và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”./.

15. Ph. Ăngghen, *Brunô Bawơ và đạo Cơ Đốc khởi thủy*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 398.

16. Ph. Ăngghen, *Tình cảnh nước Anh*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 162-163.

17. Ph. Ăngghen. *Những bức thư từ Vúp Potan*, trong *Mác-Ăngghen về tôn giáo*, Sđd, tr. 141-142.